

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2024

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng kế hoạch tuyển sinh)

1. Tên cơ sở đào tạo: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN**
2. Mã trường: **DVH**
3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu):
 - Trụ sở chính:
 - **HungHau House:** 613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP.HCM
 - Các cơ sở đào tạo:
 - **Harmony Campus:** 624 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP.HCM
 - **HungHau Campus:** Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú, Nam Thành phố, TP.HCM
 - **myU Campus:** 665 - 667 - 669 Điện Biên Phủ, Phường 1, Quận 3, TP.HCM
 - **Số 8 - 14 Nguyễn Bá Tuyển,** Phường 12, Quận Tân Bình, TP.HCM
 - **2A2 Quốc lộ 1A,** Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: <https://vhu.edu.vn/>
5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh): <https://ts.vhu.edu.vn/>
6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: **1800 1568**
7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://tuyensinh.vhu.edu.vn/vi/khai-bao-de-an-tuyen-sinh/tinh-hinh-viec-lam-sinh-vien>
8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://tuyensinh.vhu.edu.vn/vi/de-an-tuyen-sinh>

 - 8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Stt	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh			
		Thi tuyển	Xét tuyển	Kết hợp thi tuyển và xét tuyển	Ghi chú
1	2022		x	x	
2	2023		x	x	

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

❖ **Đối với xét tuyển theo kết quả học bạ THPT**

- **Hình thức 1:** Tổng điểm trung bình của 3 môn xét tuyển trong 5 học kỳ (2 học kỳ lớp 10, 2 học kỳ lớp 11 và học kỳ 1 của lớp 12) + điểm ưu tiên đạt từ 18.0 điểm.

- **Hình thức 2:** Tổng điểm trung bình của 3 môn xét tuyển trong 3 học kỳ (2 học kỳ lớp 11 và học kỳ 1 của lớp 12) + điểm ưu tiên đạt từ 18.0 điểm.

- **Hình thức 3:** Tổng điểm trung bình của 3 môn xét tuyển trong 2 học kỳ (lớp 12) + điểm ưu tiên đạt từ 18.0 điểm.

- **Hình thức 4:** Tổng điểm trung bình chung cả năm lớp 12 đạt từ 6.0 điểm.

❖ **Đối với xét tuyển theo kết quả học bạ THPT kết hợp với tổ chức thi các môn năng khiếu của nhóm ngành Nghệ thuật**

- Xét tuyển môn Ngữ văn đạt từ 5 điểm và Thi tuyển môn cơ sở ngành đạt từ 5 điểm và Chuyên ngành đạt từ 7 điểm đối với ngành Thanh nhạc, Piano.

❖ **Đối với xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực**

- Điểm trúng tuyển theo KQ kỳ thi thi đánh giá năng lực là 550 điểm áp dụng cho tất cả các ngành.

❖ **Đối với xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT**

- Điểm trúng tuyển từ 15 tới 24 điểm tùy theo ngành.

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://tuyensinh.vhu.edu.vn/vi/khai-bao-de-an-tuyen-sinh/danh-sach-nganh-duoc-phep-dao-tao>.

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng (Mẫu số 03)

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://ttktbcl.vhu.edu.vn/vi/ba-cong-khai-1533>

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://tuyensinh.vhu.edu.vn/vi/de-an-tuyen-sinh>

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://tuyensinh.vhu.edu.vn/vi/quy-che-tuyen-sinh/quy-che-tuyen-sinh-2022>

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

1. Tuyển sinh chính quy đại học

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

- Thí sinh đã dự thi xong kỳ thi THPT: có kết quả thi và Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời hoặc tương đương.

- Các thí sinh thuộc diện được tuyển thẳng và thực hiện theo các Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Các thí sinh đã tốt nghiệp THPT từ năm 2023 trở về trước và thực hiện theo các Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển; Kết hợp thi tuyển và xét tuyển; Kết hợp thi tuyển và xét tuyển theo Quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Phương thức 01:** Tuyển sinh theo kết quả Học bạ THPT gồm:

- *Hình thức 1: Xét 5 học kỳ, điểm trung bình 2 HK lớp 10 + 2 HK lớp 11 + HK1 lớp 12.*

- *Hình thức 2: Tổng điểm trung bình của 3 môn xét tuyển trong 3 học kỳ: 2 học kỳ lớp 11 và học kỳ 1 của lớp 12.*

- *Hình thức 3: Tổng điểm trung bình của 3 môn xét tuyển trong 2 học kỳ lớp 12.*

- *Hình thức 4: Tổng điểm trung bình chung năm lớp 12.*

- **Phương thức 02:** Tuyển sinh theo kết quả kỳ thi Tốt nghiệp THPT.

- **Phương thức 03:** Xét tuyển thẳng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Phương thức 04:** Xét kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Phương thức 05:** Xét tuyển môn Ngữ văn và Thi tuyển môn cơ sở ngành và Chuyên ngành đối với ngành Thanh nhạc, Piano.

1.4. Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	DỰ KIẾN CHỈ TIÊU 2024			
			HỌC BẠ	THPT	ĐGNL	TỔNG
1	7210205	Thanh nhạc	25	20	5	50
2	7210208	Piano	25	20	5	50
3	7340101	Quản trị kinh doanh	500	400	100	1,000
4	7340115	Marketing	450	360	90	900
5	7340121	Kinh doanh thương mại	50	40	10	100
6	7340122	Thương mại điện tử	250	200	50	500
7	7340201	Tài chính - Ngân hàng	275	220	55	550
8	7340205	Công nghệ tài chính	50	40	10	100
9	7340301	Kế toán	225	180	45	450
10	7380101	Luật	325	260	65	650
11	7420201	Công nghệ sinh học	75	60	15	150
12	7480101	Khoa học máy tính	75	60	15	150
13	7480201	Công nghệ thông tin	300	240	60	600
14	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	375	300	75	750
15	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	50	40	10	100

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	DỰ KIẾN CHỈ TIÊU 2024			
			HỌC BẠ	THPT	ĐGNL	TỔNG
16	7520320	Kỹ thuật môi trường	50	40	10	100
17	7540101	Công nghệ thực phẩm	75	60	15	150
18	7720301	Điều dưỡng	75	60	15	150
19	7220201	Ngôn ngữ Anh	250	200	50	500
20	7220203	Ngôn ngữ Pháp	25	20	5	50
21	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	250	200	50	500
22	7220209	Ngôn ngữ Nhật	150	120	30	300
23	7229030	Văn học	75	60	15	150
24	7229040	Văn hoá học	25	20	5	50
25	7310101	Kinh tế	275	220	55	550
26	7310301	Xã hội học	50	40	10	100
27	7310401	Tâm lý học	100	80	20	200
28	7310608	Đông phương học	200	160	40	400
29	7310630	Việt Nam học	25	20	5	50
30	7320104	Truyền thông đa phương tiện	300	240	60	600
31	7320108	Quan hệ công chúng	300	240	60	600
32	7810101	Du lịch	150	120	30	300
33	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	200	160	40	400
34	7810201	Quản trị khách sạn	125	100	25	250
		TỔNG CỘNG	5,750	4,600	1,150	11,500

1.5. Ngưỡng đầu vào.

a. Xét tuyển theo kết quả học bạ THPT

- **Hình thức 1:** Tổng điểm trung bình của 3 môn xét tuyển trong 5 học kỳ (2 học kỳ lớp 10, 2 học kỳ lớp 11 và học kỳ 1 của lớp 12) + điểm ưu tiên đạt từ 18.0 điểm.

- **Hình thức 2:** Tổng điểm trung bình của 3 môn xét tuyển trong 3 học kỳ (2 học kỳ lớp 11 và học kỳ 1 của lớp 12) + điểm ưu tiên đạt từ 18.0 điểm.

- **Hình thức 3:** Tổng điểm trung bình của 3 môn xét tuyển trong 2 học kỳ (lớp 12) + điểm ưu tiên đạt từ 18.0 điểm.

- **Hình thức 4:** Tổng điểm trung bình chung cả năm lớp 12 đạt từ 6.0 điểm.

Đối với ngành Điều dưỡng, điểm tổ hợp xét tuyển hình thức 1,2, 3 đạt từ 19,5, hình thức 4 đạt từ 6.5 điểm và học lực năm lớp 12 đạt loại khá trở lên.

Đối ngành Thanh nhạc, Piano, điểm xét tuyển hình thức 1,2, 3 môn Ngữ văn đạt từ 5 điểm và thi tuyển môn cơ sở ngành đạt từ 5 điểm và chuyên ngành đạt từ 7 điểm.

b. Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT

- Xét tuyển từ 15 điểm trở lên tùy theo ngành

- Xét tuyển theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ GD&ĐT đối với ngành Điều dưỡng.

- Xét tuyển môn Ngữ văn đạt từ 5 điểm và thi tuyển môn cơ sở ngành đạt từ 5 điểm và chuyên ngành đạt từ 7 điểm đối với ngành Thanh nhạc, Piano.

c. Đối với xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực

Điểm xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc Gia Tp.HCM là 550 điểm áp dụng cho các ngành (trừ ngành Điều dưỡng, Piano, Thanh nhạc).

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: mã trường, mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

- Mã trường: **DVH**

- Tên ngành, mã ngành, tổ hợp xét tuyển:

Stt	Tên ngành/chuyên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển (chọn 1 trong 4 tổ hợp)
1.	Công nghệ thông tin - Mạng máy tính - An toàn thông tin - Thiết kế đồ họa - Công nghệ phần mềm	7480201	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh C01: Toán, Lý, Văn
2.	Khoa học máy tính - Khoa học dữ liệu - Hệ thống thông tin	7480101	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh C01: Toán, Lý, Văn
3.	Truyền thông đa phương tiện - Sản xuất phim và quảng cáo - Công nghệ truyền thông	7320104	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh C01: Toán, Lý, Văn
4.	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông - Thiết kế vi mạch - Kỹ thuật điện tử - viễn thông - Kỹ thuật vi điều khiển và tự động hóa - Hệ thống nhúng và IoT	7520207	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh C01: Toán, Lý, Văn
5.	Quản trị kinh doanh - Quản trị kinh doanh tổng hợp - Quản trị nguồn nhân lực	7340101	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa
6.	Kinh doanh thương mại - Kinh doanh thương mại	7340121	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa
7.	Công nghệ tài chính - Công nghệ tài chính	7340205	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa

Stt	Tên ngành/chuyên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển (chọn 1 trong 4 tổ hợp)
8.	Marketing - <i>Digital marketing</i> - <i>Marketing thương mại</i>	7340115	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa
9.	Tài chính ngân hàng - <i>Tài chính doanh nghiệp</i> - <i>Tài chính ngân hàng</i>	7340201	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa
10.	Kế toán - <i>Kế toán</i>	7340301	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa
11.	Luật - <i>Luật dân sự</i> - <i>Luật kinh tế</i> - <i>Luật thương mại quốc tế</i> - <i>Luật tài chính ngân hàng</i>	7380101	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa
12.	Thương mại điện tử - <i>Thương mại điện tử</i>	7340122	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa
13.	Kinh tế - <i>Kinh doanh quốc tế</i> - <i>Kinh tế số</i>	7310101	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa
14.	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - <i>Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng</i>	7510605	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa
15.	Công nghệ sinh học - <i>Công nghệ sinh học y sinh</i> - <i>Công nghệ sinh học hóa sinh và vi sinh</i> - <i>Công nghệ sinh học nông nghiệp (vật nuôi, thủy sản, cây trồng)</i>	7420201	A00: Toán, Lý, Hóa A02: Toán, Lý, Sinh B00: Toán, Hóa, Sinh D07: Toán, Hóa, Tiếng Anh
16.	Công nghệ thực phẩm - <i>Quản trị chất lượng thực phẩm</i> - <i>Công nghệ chế biến thực phẩm</i> - <i>Dinh dưỡng thực phẩm</i> - <i>Công nghệ bảo quản sau thu hoạch</i>	7540101	A00: Toán, Lý, Hóa A02: Toán, Lý, Sinh B00: Toán, Hóa, Sinh D07: Toán, Hóa, Tiếng Anh
17.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - <i>Quản trị lữ hành</i> - <i>Hướng dẫn du lịch</i>	7810103	A00: Toán, Lý, Hóa C00: Văn, Sử, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa
18.	Quản trị khách sạn - <i>Quản trị khách sạn - Khu du lịch</i>	7810201	A00: Toán, Lý, Hóa C00: Văn, Sử, Địa

Stt	Tên ngành/chuyên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển (chọn 1 trong 4 tổ hợp)
	- Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống		D01: Toán, Văn, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa
19.	Du lịch - Quản trị du lịch - Quản trị sự kiện	7810101	A00: Toán, Lý, Hóa C00: Văn, Sử, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa
20.	Xã hội học - Xã hội học truyền thông đại chúng - Xã hội học quản trị nhân sự và tổ chức xã hội	7310301	A00: Toán, Lý, Hóa C00: Văn, Sử, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa
21.	Tâm lý học - Tham vấn và trị liệu tâm lý - Tham vấn tâm lý và quản trị nhân sự	7310401	A00: Toán, Lý, Hóa B00: Toán, Hóa, Sinh C00: Văn, Sử, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh
22.	Quan hệ công chúng - Truyền thông và sáng tạo nội dung - Tổ chức sự kiện	7320108	C00: Văn, Sử, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh D14: Văn, Sử, Tiếng Anh D15: Văn, Địa, Tiếng Anh
23.	Văn học - Văn - Giảng dạy - Văn - Truyền thông - Văn - Quản trị văn phòng	7229030	C00: Văn, Sử, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh D14: Văn, Sử, Tiếng Anh D15: Văn, Địa, Tiếng Anh
24.	Việt Nam học - Việt Nam học	7310630	C00: Văn, Sử, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh D14: Văn, Sử, Tiếng Anh D15: Văn, Địa, Tiếng Anh
25.	Văn hóa học - Văn hóa học	7229040	C00: Văn, Sử, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh D14: Văn, Sử, Tiếng Anh D15: Văn, Địa, Tiếng Anh
26.	Ngôn ngữ Anh - Tiếng Anh thương mại - Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh - Tiếng Anh biên - phiên dịch - Tiếng Anh quan hệ quốc tế	7220201	A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh D10: Toán, Địa, Tiếng Anh D15: Văn, Địa, Tiếng Anh
27.	Ngôn ngữ Nhật - Tiếng Nhật thương mại - Tiếng Nhật giảng dạy - Tiếng Nhật biên – phiên dịch	7220209	A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh D10: Toán, Địa, Tiếng Anh D15: Văn, Địa, Tiếng Anh
28.	Ngôn ngữ Trung Quốc (Chương trình đại trà và Liên kết quốc tế) - Tiếng Trung thương mại - Tiếng Trung biên - phiên dịch	7220204	A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh D10: Toán, Địa, Tiếng Anh D15: Văn, Địa, Tiếng Anh
29.	Ngôn ngữ Pháp - Tiếng Pháp thương mại	7220203	A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh

Stt	Tên ngành/chuyên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển (chọn 1 trong 4 tổ hợp)
			D10: Toán, Địa, Tiếng Anh D15: Văn, Địa, Tiếng Anh
30.	Đông phương học - Nhật Bản học - Hàn Quốc học	7310608	A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh C00: Văn, Sử, Địa D15: Văn, Địa, Tiếng Anh
31.	Điều dưỡng - Điều dưỡng	7720301	A00: Toán, Lý, Hóa B00: Toán, Hóa, Sinh C08: Văn, Hóa, Sinh D07: Toán, Hóa, Tiếng Anh
32.	Kỹ thuật môi trường - Kỹ thuật và công nghệ xử lý nước và đất - Quản lý, xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại - Kỹ thuật quan trắc và kiểm soát ô nhiễm chất lượng không khí	7520320	A00: Toán, Lý, Hóa A02: Toán, Lý, Sinh B00: Toán, Hóa, Sinh D07: Toán, Hóa, Tiếng Anh
33.	Thanh nhạc - Thanh nhạc thính phòng - Thanh nhạc nhạc nhẹ	7210205	N00: Xét tuyển môn Văn và Thi tuyển môn cơ sở ngành và chuyên ngành.
34.	Piano - Piano cổ điển - Piano ứng dụng - Sản xuất âm nhạc - Giảng dạy âm nhạc - Biểu diễn nhạc cụ tây phương (Ghi-ta nhạc nhẹ)	7210208	N00: Xét tuyển môn Văn và Thi tuyển môn cơ sở ngành và chuyên ngành.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển.

- **Xét tuyển sớm hình thức học bạ:** Từ 02/01/2024 tới 15/7/2024 (dự kiến)

Thủ tục đăng ký xét tuyển:

- Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp tại Trường hoặc gửi qua đường Bưu điện hoặc đăng ký online tại địa chỉ <https://dangky.vhu.edu.vn/>

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm:

○ Đơn đăng ký xét tuyển theo mẫu của Trường Đại học Văn Hiến.
○ Bản sao giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời hoặc bằng tốt nghiệp THPT (nếu có).

○ Bản sao học bạ THPT.

○ Bản sao Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

- Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển

○ **Harmony Campus:** 624 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. HCM

○ **HungHau Campus:** Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú, Nam Thành phố, TP. HCM

○ **myU Campus:** 665 - 667 - 669 Điện Biên Phủ, Phường 1, Quận 3, TP. HCM

- Thời gian xét tuyển trên hệ thống chung

○ **Xét tuyển Đợt 1:** Từ 22/07/2024 tới 20/08/2024 theo Quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. (dự kiến)

○ **Xét tuyển Đợt bổ sung:** Từ 01/10/2024 tới 31/12/2024 theo Quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. (dự kiến)

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

Các thí sinh thuộc diện được tuyển thẳng đăng ký xét tuyển thông qua cổng thông tin chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo thời gian quy định.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

- Lệ phí xét tuyển: 20,000 đồng/nguyên vọng xét tuyển.

- Lệ phí xét tuyển học bạ: 30,000 đồng/nguyên vọng xét tuyển.

- Lệ phí thi sơ tuyển năng khiếu: 400,000 đồng/hồ sơ đăng ký dự thi.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

- Từ 900,000 đồng/tín chỉ.

- Cam kết không tăng học phí trong suốt quá trình đào tạo (áp dụng với sinh viên/học viên chỉ học 1 lần, không rút môn hoặc học lại).

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

Stt	Tiêu đề	Nội dung
1	Xét tuyển sớm	Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp tại Trường hoặc gửi qua đường Bưu điện hoặc đăng ký online tại địa chỉ http://dangky.vhu.edu.vn/ .
2	Xét tuyển đợt 1	Từ 22/07/2024 tới 20/08/2024 theo Quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (dự kiến).
3	Xét tuyển đợt bổ sung	Từ 01/10/2024 tới 31/12/2024 theo Quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (dự kiến).

1.12. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

- Khi thí sinh đã nộp giấy xác nhận nhập học thì Trường không hoàn lại và thí sinh không được tham gia xét tuyển ở Trường khác.

- Thí sinh xác nhận nhập học trong khoảng thời gian cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo thông báo trong thư báo trúng tuyển nhập học của Trường. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được hiểu là từ chối nhập học và Trường được xét tuyển thí sinh khác.

- Trường hợp số lượng thí sinh trúng tuyển đại học chính quy không đủ để có thể tổ chức đào tạo theo ngành, chuyên ngành mà thí sinh đăng ký xét tuyển thì Trường sẽ liên hệ

với thí sinh để thống nhất phương án giải quyết chuyển ngành, chuyên ngành khác sao cho phù hợp giữa nguyện vọng của thí sinh và điều kiện của Trường, đồng thời thực hiện đúng quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

- Cam kết hỗ trợ và giới thiệu nơi thực tập và việc làm sau khi tốt nghiệp.

- Các chính sách hỗ trợ thí sinh trúng tuyển nhập học, học bổng “Trái tim Hùng Hậu” thí sinh theo dõi tại website <https://vhu.edu.vn/> để biết thông tin chi tiết.

1.13. Tài chính:

1.13.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường:

1.13.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 21,600,000

1.14. Các nội dung khác (không trái quy định)

2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, cao đẳng, cao đẳng nghề, đại học.

2.2. Phạm vi tuyển sinh. Tuyển sinh cả nước.

2.3. Phương thức tuyển sinh:

- Liên thông hệ chính quy giữa trình độ cao đẳng với trình độ đại học: Xét tuyển người có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng.

- Liên thông hệ chính quy giữa trình độ trung cấp với trình độ đại học: Xét tuyển người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp.

- Văn bằng đại học thứ 2: Xét tuyển người có bằng Đại học chính quy.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

TT	Trình độ ĐT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số QĐ	Ngày QĐ	CQ cấp phép
1	Đại học	7480201	Công nghệ thông tin	20	1601/QĐ-BGDĐT	12/05/2014	Bộ GD&ĐT
2	Đại học	7220201	Ngôn Ngữ Anh (Văn bằng 2)	65	332/QĐ-BGDĐT-GD&ĐT	07/02/2020	Bộ GD&ĐT
3	Đại học	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	20	1601/QĐ-BGDĐT	12/05/2014	Bộ GD&ĐT
4	Đại học	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	20	1601/QĐ-BGDĐT	12/05/2014	Bộ GD&ĐT

5	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	20	1601/QĐ-BGDĐT	12/05/2014	Bộ GD&ĐT
---	---------	---------	---------------------	----	---------------	------------	----------

2.5. Ngưỡng đầu vào.

- Liên thông giữa trình độ cao đẳng với trình độ đại học: Thí sinh có kết quả học tập toàn khóa học trình độ cao đẳng đạt từ 5,0 trở lên (tính theo thang điểm 10) hoặc từ 2,0 trở lên (tính theo thang điểm 4) đủ điều kiện đăng ký xét tuyển;

- Liên thông hệ chính quy giữa trình độ trung cấp với trình độ đại học: Thí sinh có kết quả học tập toàn khóa học trình độ trung cấp đạt từ 5,0 trở lên (tính theo thang điểm 10) hoặc từ 2,0 trở lên (tính theo thang điểm 4) đủ điều kiện đăng ký xét tuyển.

- Đào tạo Văn bằng thứ 2, ngành Ngôn ngữ Anh: Thí sinh đã tốt nghiệp đại học chính quy.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

- Nếu số lượng hồ sơ đăng ký xét tuyển nhiều hơn số lượng chỉ tiêu tuyển sinh thì Trường sẽ ưu tiên xét tuyển thí sinh có bằng tốt nghiệp đúng ngành, ngành phù hợp, ngành gần, ngành cùng lĩnh vực đào tạo.

- Điểm xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có): Điểm xét tuyển đợt bổ sung bằng điểm xét tuyển đợt 1.

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

- Điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển:

- Liên thông Trung cấp - Đại học: Tốt nghiệp Trung cấp
- Liên thông Cao đẳng - Đại học: Tốt nghiệp Cao đẳng
- Văn bằng đại học thứ 2: Tốt nghiệp Đại học

- Tổ chức tuyển sinh và đào tạo tại Trường

2.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

- Lệ phí hồ sơ: 50.000 đồng/ hồ sơ.

- Lệ phí xét tuyển: 300.000 đồng.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

- Từ 900,000 - 1,000,000đ/tín chỉ áp dụng tùy ngành và dự kiến không tăng trong suốt khóa đào tạo.

2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

- Đợt 1: 02/01/2024 – 10/05/2024 (dự kiến)

- Đợt bổ sung: 11/05/2024 – 30/11/2024 (dự kiến)

2.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

- Trường chỉ tiến hành đào tạo nếu đủ sĩ số tối thiểu mỗi lớp 20 học viên.

Thí sinh xem thông tin chi tiết về học phí, chính sách học bổng, các hỗ trợ dành cho sinh viên, chương trình đào tạo và cơ sở vật chất của Trường Đại học Văn Hiến tại:

- Website: <https://vhu.edu.vn>
- Tổng đài tư vấn tuyển sinh miễn phí: **1800 1568**.
- Email: **tuyensinh@vhu.edu.vn**

Ngày 02 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG